TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2023/QĐST-TCDS	*Ba Đồn, ngày 15 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" và điểm đ Điều 1.3, Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2023, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-TCDS ngày 13 tháng 01 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N;

Địa chỉ: 198 đường T, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quang D - Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh B - Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Phan Anh L - Trưởng Phòng khách hàng bán lẻ - Chi nhánh Quảng Bình; địa chỉ: 01C T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983 và Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP N theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 131/2017/VCB.QB ngày 12/9/2017, Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 1610/2017/VCB.QB ngày 16/10/2017 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 500/2019/VCB.QB ngày 08/01/2019, tính đến ngày 07/6/2023 với tổng số tiền 3.048.505.426 đồng *(Ba tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm lẽ năm nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng)*; trong đó bao gồm: dư nợ gốc là 2.134.943.611 đồng, nợ lãi là 913.561.815 đồng.

2.2. Cam kết trả nợ: ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ nói trên và số tiền lãi phát sinh sau ngày 07/6/2023 cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng TMCP N theo lộ trình như sau:

Trong năm 2023: chậm nhất ngày 25/6/2023, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/11/2023, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/12/2023, trả số tiền 100.000.000 đồng.

Trong năm 2024: chậm nhất ngày 25/02/2024, trả số tiền 200.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/6/2024, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/11/2024, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/12/2024, trả số tiền 100.000.000 đồng.

Trong năm 2025: chậm nhất ngày 25/02/2025, trả số tiền 200.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/6/2025, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/11/2025, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/12/2025, trả số tiền 100.000.000 đồng.

Trong năm 2026: chậm nhất ngày 25/02/2026, trả số tiền 200.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/6/2026, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/11/2026, trả số tiền 100.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/12/2026, trả số tiền 100.000.000 đồng.

Trong năm 2027: chậm nhất ngày 25/02/2027, trả số tiền 335.000.000 đồng; chậm nhất ngày 25/8/2027, trả tối thiểu 500.000.000 đồng tiền lãi và Ngân hàng sẽ trình miễn, giảm lãi theo quy định.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng TMCP N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã cam kết để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là:

Quyền sử dụng của thửa đất số 1230, tờ bản đồ số 10 tại tổ dân phố X, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 751534, do Ủy ban nhân dân huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp ngày 05/10/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T và toàn bộ tài sản gắn liền với thửa

đất trên, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1110/2017/VCB.QB ngày 10/10/2017.

Tàu cá vỏ gỗ, đóng năm 2017, số đăng ký QB - 98065 - TS, do Chi cục thủy sản tỉnh Quảng Bình cấp ngày 24/7/2017, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 129/2017/HDTCTS ngày 11/9/2017.

2.4. Về án phí: ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền được làm tròn số là 46.485.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).* Ông Th và bà T chưa nộp án phí sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 43.522.773 đồng *(Bốn mươi ba triệu, năm trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng)* đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003531 ngày 10/01/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức